

“Huấn dụ thập điều” với xã hội Đại Nam (thế kỷ XIX)

Lê Quang Chấn^(*)

Tóm tắt: Trong số các vị vua nhà Nguyễn, Minh Mệnh là người rất giỏi về kiến thức lịch sử, tinh thông giáo lý Nho gia. Ngoài việc tuyên dương, bảo vệ đạo học của Tống Nho, ông còn sử dụng nhiều biện pháp để quán triệt những triết thuyết của Nho giáo vào đời sống xã hội, làm chỗ dựa tư tưởng cho các tổ chức, thiết chế, pháp luật nhà nước; cho các chính sách về văn hóa, xã hội của triều đình. Vua Minh Mệnh đã dùng Tam cương (ba giềng mối lớn), Ngũ thường (năm điều hằng có ở đời) của Nho giáo kết hợp với truyền thống văn hóa của dân tộc (như phong tục tập quán, tình cảm cộng đồng...) để quy nạp thành “Huấn dụ thập điều”, ban hành khắp thiên hạ, yêu cầu nhà nhà truyền nói, người người ca tụng, cùng nhau thực hiện, nhật nguyệt thắm nhuần, cùng hướng tới phong tục thuần hậu, tốt lành. Trên cơ sở trình bày 10 điều huấn dụ của vua Minh Mệnh, bài viết đưa ra một số nhận xét, đánh giá về nội dung, mục đích, biện pháp thực hiện cũng như giá trị tích cực và hạn chế của “Huấn dụ thập điều” trong việc quản lý và điều hành xã hội Việt Nam thế kỷ XIX.

Từ khóa: Minh Mệnh, Huấn dụ thập điều, Phong tục, Quản lý và điều hành xã hội

Abstract: Minh Menh, among the Nguyen Dynasty kings, was an adept in history and Confucianism. Besides protecting and promoting Confucianism, he released policies encouraging its application in society, serving as ideological foundation for state governing bodies, institutions and laws, and for cultural and eco-social policies. His combination of “Tam Cương” (three fundamental bonds), “Ngũ Thường” (five constant virtues) with the cultural traditions such as customs, community sentiments resulted in the compilation of “Huấn Dụ Thập Điều” (the Ten Commandments) which was promulgated nationwide, requiring every household to pass them on, everyone to praise them, and together implement them towards a pure and good custom. Based on the presentation of King Minh Menh’s ten commandments, the paper gives some comments and assessments on their content, purpose, implementation measures as well as the positive and negative values in the management and administration of Vietnamese society in the 19th century..

Keywords: Minh Menh, “Huấn Dụ Thập Điều” (the Ten Commandments), Customs, Social Management and Administration

Ngày nhận bài: 13/8/2024; Ngày duyệt đăng: 10/01/2025

^(*) TS., Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: quangchanvsh@gmail.com

1. Mở đầu

Cùng với những cải cách sâu rộng và tổng thể trên tất cả các lĩnh vực, Minh Mệnh rất quan tâm đến lĩnh vực văn hóa, giáo dục, bởi ông nhận thấy, “ta nổi nghiệp lớn, noi theo phép cả, rất đề tâm suy nghĩ cái nghĩa “làm cho dân giàu, sau mới dạy”... Tuy chưa làm cho tất cả dân ta đều được giàu có, nhưng nhuần thấm yên vui đã 15 năm rồi. Bây giờ chính là lúc nên dạy dỗ dân cho phong tục được đúng đắn” (Quốc sử quán triều Nguyễn, Tập 4, 2022: 237). Chính vì thế, vua Minh Mệnh đã ban hành *Huấn dụ thập điều* để bố cáo khắp thiên hạ.

2. Nội dung *Huấn dụ thập điều*

Sách *Đại Nam thực lục* của Quốc sử quán triều Nguyễn có chép: Năm Giáp Ngọ, Minh Mệnh năm thứ 15 (1834), mùa hè, tháng 6, ban *Huấn dụ thập điều* trong Kinh và ngoài các tỉnh, gồm (Quốc sử quán triều Nguyễn, Tập 4, 2022: 232-236):

“1. *Đôn đốc luân lý*: Đạo làm người, không gì cốt yếu bằng cho luân lý được trong sáng. Vua tôi có nghĩa, cha con có tình thân, vợ chồng có riêng biệt, anh em có thứ bậc, bạn bè có tin cậy. Ấy là năm điều luân lý quan trọng của người ta. Luân lý có trong sáng rồi sau đạo làm người mới đứng vững được. Ta muốn lũ các người, tôi con, quân dân, đều biết lấy luân lý làm trọng. Kẻ làm quan thì giữ phép công, đi đường thẳng, hết lòng làm việc, không tiếm sức. Kẻ sĩ thì chăm học, rõ đạo, mài giũa thành tài, để cho nhà nước kén dùng. Những người làm binh, nông, công, thương thì yêu nghề, chăm chỉ, vui cảnh thường, giữ phận mình, đối với trong nhà thì trên thờ cha mẹ, dưới nuôi vợ con, đối với nước thì nộp tô, đóng thuế, ưa làm việc nghĩa, sốt sắng việc công. Người đã lệ thuộc vào sổ quân sĩ thì chớ bỏ hàng ngũ mà cầu thả trốn tránh, chớ lười biếng mà không phấn

chấn; ngày thường thì luyện tập võ nghệ, lúc có việc thì hăng hái tiến lên. Kẻ làm lại viên thì chớ cho pháp luật là trò đùa, thay đen đổi trắng, chớ nên đục khoét dân đen, mà phải sớm tối chỉ nghĩ siêng năng, không bỏ việc công. Còn như con cái thì phải hiếu kính cha mẹ, vợ chồng thì phải thuận hòa, anh em thì yêu thương nhau mà không tranh giành, bè bạn thì cùng tin nhau mà không lừa dối. Sách *Trung Kinh* có nói rằng: “Người quân tử giữ đạo, là để giữ phúc lâu dài”. Các người tin theo như thế thì luân thường được tỏ sáng, mọi phúc đều họp lại để đón hạnh phúc thăng bình, rục rờ tốt đẹp lắm thay!

2. *Giữ lòng ngay thẳng*: Tâm là gốc của con người. Tâm mà ngay thẳng, thì muôn điều lành do đấy sinh ra; tâm mà bất chính, thì trăm điều ác đều theo đó mà gây nên. Vậy há chẳng nên cẩn thận hay sao? Do trời bẩm sinh, người ta sẵn có tính thường. Cho nên nhân, nghĩa, lễ, trí, bốn điều ấy, ai mới sinh ra cũng đều vốn có. Ta muốn trăm họ các người đều giữ lấy lòng thiện, gây nuôi tính tốt, tuy mỗi người làm một nghề khác nhau, nhưng lòng hướng theo điều thiện thì ai cũng có. Người giàu chớ kiêu rông xa xỉ, kẻ nghèo chớ gian ngoan giả dối; chớ bị cám dỗ vì lợi, chớ tập sa vào thói xấu. Nếu nói một lời bất chính, làm một việc bất thiện thì trong lòng lấy làm hổ thẹn, tự mình ăn năn đổi lỗi. Vui làm việc thiện, ưa làm điều nghĩa, để giữ gìn đời sống; bỏ tính xấu xa, tránh sự gian tà để đi vào đường chính. Nếu chẳng nghĩ xét mình, thì nét, làm bừa những sự gian tà dâm uế, bấy giờ mắc vào luật pháp, ăn năn thì sự đã rồi, sao còn kịp nữa! *Kinh Thư* có câu: “Theo phải thì tốt, theo trái thì xấu, như bóng theo hình, vang theo tiếng”. Ta nuôi dạy muôn dân, chỉ vui thấy các người thành đạt, không muốn

thấy các người mắc tội lỗi. Các người nên cẩn thận nghĩ đây.

3. *Chăm nghề nghiệp*: Trời sinh ra người, thế nào cũng phó cho mỗi người một nghề. Cho nên người ta ai cũng phải chọn lấy một nghề để làm cái cơ sở lập thân. Sĩ, nông, công, thương và những người làm vườn, đánh cá, chăn nuôi, cho đến quân lính, võ biên đều phải có nghề nghiệp để nhờ đó mà sinh sống. Làm được thành nghề là vì chăm chỉ; dở dang là vì lười biếng. Chuyên cần vào một nghề, làm cho thật khéo, chớ nên trễ nải, ngày chửa tháng dờn, cuối cùng sẽ thấy thành hiệu. Người làm học trò thì phải trau dồi, tu tính, học rộng, nghe nhiều, để kịp thời làm nên; dù có lợi nhỏ trước mắt cũng chẳng nên vội vã đổi nghề. Kẻ làm ruộng thì nên sửa chữa cày bừa, chăm chỉ cấy gặt, để ngày đêm đầy đủ yên vui; dù có được mùa hay mất mùa không đều, cũng không nên nhân đó mà bỏ nghề nghiệp. Các thợ thuyền thì trở khéo trong tám thứ vật liệu (hạt châu, ngà voi, ngọc, đá, đồ gỗ, kim loại, da thuộc và lông vũ); người buôn bán thì làm cho tài hóa lưu thông; quân lính thì luyện tập võ nghệ. Phàm những người có chức nghiệp thông thường để sinh sống, ai cũng phải rèn tập mà yên nghiệp làm ăn. Đó là cái nghĩa chăm nghề nghiệp. *Kinh Thư* có nói: “Nghề nghiệp ngày thêm rộng mở, là bởi sự chuyên cần”. Các người cố gắng lên!

4. *Chuộng tiết kiệm*: Đường lối làm ra của cải là ở chỗ làm nhiều, ăn ít, làm nhanh, dùng thừa thì tiền của thường đủ. Cho nên các thánh hiền mỗi khi bàn đến sự tiêu tiền thì cốt lấy tiết kiệm làm đầu. Nay nhân lúc bốn biển yên lặng, nhân dân phần nhiều hay chuộng xa hoa, quần áo đồ dùng xa xỉ hoa lệ quá chừng, đi lại thù tạc phần nhiều phung phí. Lại nữa, một khi có

hội thờ thần, cúng Phật, đàn chay, lễ tế, tốn kém đến hàng trăm hàng nghìn! Hơn nữa, những bọn u mê nghiện ngập thuốc phiện, say đắm cờ bạc rượu chè, rút cuộc hết của, mất nghiệp, rồi làm điều trái phép, phạm tội, thật rất đáng thương! Các người là học trò, thứ dân và quân lính đều nên kính theo lời dạy của ta, lấy cần kiệm làm cái thuật tốt để giữ mình và trị nhà: đồ mặc không nên quá xa xỉ; ăn uống phải có tiết độ; nhà cửa đồ dùng cốt lấy chất phác; quán, hôn, táng, tế quý ở hợp nghi. Còn những hạng ngu dại và phóng đảng, trót đã hút sách rượu chè, cờ bạc, thì nên chừa bỏ ngay, giữ đức tiết kiệm, để gây dựng cơ đồ dài lâu. Các người nếu có thể như thế, thì sẽ gây được cái thói kiệm ước và làm thành được hiệu quả giàu có, há chẳng tốt lắm sao?

5. *Gây phong tục cho trung hậu*: Phong tục có quan hệ với người ta không phải là nhỏ. Thói tốt tục hay thì có thể bỏ được hình luật và thôi được việc binh, trong bốn biển sẽ có âm thanh thái bình. Ta mong các người, sĩ, thứ, quân nhân, cùng trông nhau làm điều thiện, dắt nhau đi đường chính đạo. Phải có ân tình đối với họ hàng, hòa thuận đối với làng xóm, lễ nhượng hòa vui đối với kẻ trên người dưới; chớ cậy giàu khinh nghèo, sang lấn hèn, khôn lừa ngu, khỏe đè yếu. Ngày thường thì yêu nhau, giữ cho nhau; lúc có việc thì giúp đỡ nhau, cứu mang nhau. Chớ để bụng hiềm thù, gây mối tranh chấp; chớ hay kiện tụng để hại việc làm ăn; nên liên lạc nhau mà trông coi canh giữ để trừ trộm cướp; đừng chừa chấp kẻ gian để khởi liên lụy. Có tính liêm sỉ, trung tín, không thói lừa dối hiểm ác. Người làm học trò phải có lòng trung hậu, giữ tính êm ái. Người làm ruộng vườn, chớ lấn đất để ích mình, chớ ngăn bờ để hại người. Người làm thợ, người buôn bán thì chớ háms lợi mà tranh nhau, chớ hờ hàng

để bán được nhiều lãi. *Kinh Thư* có nói: “Phàm các thứ dân chớ bạn với kẻ tà dâm, chớ có đức xấu”. Các người nên hiểu rõ ý ấy để bỏ hết thói kiêu bạc, đi đến tục tốt, để đón lấy phúc hòa bình, bước lên con đường đại thuận. Lũ người nên cố gắng lên!

6. *Dạy con em*: Người ta ai cũng trước làm con, em, rồi sau làm cha, anh, làm thầy, làm người trên. Bây giờ chẳng biết đạo làm con em, thì sau này không biết đạo làm cha, anh, sư trưởng. Cho nên cổ nhân dạy người, tất bắt đầu từ khi làm con em trước, ấy là có ý mong sẽ làm cha, anh, sư trưởng sau này. Bởi thế, người xưa yêu con, dạy cho điều nghĩa phương, không đưa vào đường gian tà. Nay ta muốn lũ người là cha, anh, sư trưởng, ai nấy nên chăm con em, cốt sao cho họ giữ được lương tâm, không bỏ nghiệp nhà, chớ để chơi bời, lười biếng không chịu cần cù; chớ để rượu chè cờ bạc, chớ để giao du kết bạn với kẻ xấu xa, chớ để quen thói ham chuộng xa xỉ. Tính nết phải biết trọng hiếu đễ, chăm chỉ làm ruộng. Trong lòng phải giữ lễ, nghĩa, liêm, sỉ. Lâu dần tâm địa thuần phục, ngày một tiến lên cõi thiện: bậc cao thì có thể thành tài, nên đức, làm rạng vẻ cửa nhà; hạng thấp cũng đủ làm dân lương thiện, giữ được nghiệp nhà. Cái công dạy bảo hằng ngày há chẳng to lớn và sâu xa lắm sao? Con nhỏ, cháu bé, thánh nhân thế nào cũng dạy. Về bản phận của con em, người quân tử đã phải nghiêm cẩn dạy bảo ở thiên *Thiếu nghi* rồi. Sách *Mạnh Tử* có nói: “Ồ rồi mà không dạy thì sẽ gần như giống chim muông”. Các người đừng có xao nhãng!

7. *Tôn sùng đạo học chân chính*: Học là cốt học cái đạo làm người. Cho nên người trong thiên hạ không một người nào không học, mà cũng không một ngày nào không phải học, nhưng học lại cần phải học chân chính. Ta muốn triệu dân các

người chăm chỉ chính học, biết rõ luân lý. Đạo Nghiêu Thuấn chỉ có hiếu đễ mà thôi, đạo Khổng Mạnh thì lấy nhân nghĩa làm đầu. Đó là những điều nên học. Còn như tả đạo dị đoan, chớ để nó lừa dối cảm dỗ... Nếu người nào đã bị dỗ dành thì nên mau chóng bỏ đi. Phàm những việc quán, hôn, táng, tế đều theo lễ tục nước nhà. Nếu không đi lầm lối khác thì tự biết đi theo đường chính. Những người đã làm học trò, học tập *Thi, Thư*, tự biết nghĩa lý. Còn như binh, nông, công há đều phải là học hành biết chữ, nhưng thấy người ta nói điều hay, làm việc phải thì thích mà theo, mà bắt chước, sẵn lòng di luân, ưa điều đức tốt, ở nhà đủ thờ cha anh, ra ngoài đủ thờ người trên. Cái đạo học thánh hiền cũng chẳng ngoài thế. *Mạnh Tử* có nói: “Dẹp thuyết bất chính, bỏ nết không tốt, gạt lời dâm tà”. Ta ân cần thiết tha chỉ bảo, là có ý muốn gia ơn cho nhân dân. Các người kính cẩn nghe đây!

8. *Răn chừa tà dâm*: Người ta sống ở trong trời đất, quý ở giữ tính chính đính, không buông mình vào vòng dâm dăng; phải đi theo đường thiện, chớ lạc vào con đường gian ác. Giữa trai và gái, đường tình rất dễ mắc! Ví chẳng lấy lễ nghĩa giữ mình thì đầu mối rất nhỏ, mà tai vạ rất lớn, do đấy, nảy ra hiềm thù, gây nên kiện tụng! Há chẳng nên biết răn giữ ngăn ngừa sao? Từ trước đến nay, nơi nào có người tiết phụ, trinh nữ, ta vẫn đặc cách khen thưởng: hoặc lập đền thờ, hoặc ban biển ngạch, để khuyến khích những kẻ trinh tiết. Ta muốn trăm họ các người, người làm cha mẹ, huynh trưởng, đều nên biết dạy bảo các con em: trai thì theo lễ phép mà sửa nết, gái thì lấy trinh tiết để giữ mình. Cái tình trai gái được chính đáng thì trăm phúc đều họp lại. Còn lũ cường hào cậy thế để lấn át, bọn gian狡 khoa múa bằng mảnh

lời khôn ngoan, làm hại bình dân quá lắm! Lại còn lũ du côn vô lại quen thói làm dữ: trước thì cậy hòm, đào tường, sau thì sinh sự gây biến, lễ trời không dung, phép nước không tha được. *Kinh Thư* có câu: “Đạo trời giáng phúc cho người thiện, giáng và cho kẻ dâm”. Vậy người nào có phạm vào các điều ấy thì mau mau tự biết sợ hãi ăn năn, đổi ác theo lành, để được ở trong vòng nuôi dưỡng yên ổn. Điều đó là do trăm họ các người suy nghĩ lấy!

9. *Cẩn thận giữ phép nước*: Triều đình đối với dân, chỉ muốn dân giữ phép, chứ không muốn dân phạm pháp. Dân ta biết giữ phép thì sau ít lỗi mà không vướng vào tội vạ, mà toàn vẹn được đời sống. Như thế thì đặt ra pháp luật là vì dân. Lũ người há chẳng nên nghĩ cách để cẩn thận giữ gìn pháp luật hay sao? Ta khuyên bảo trăm họ các người: người làm cha anh trong nhà đều nên dạy con em, người làm đàn anh trong làng đều nên răn bảo dân chúng, thường đem pháp luật dẫn bảo lẫn nhau, chớ khinh nhờn pháp luật mà cố ý làm càn, chớ khinh bỏ phép mà phạm pháp. Chẳng hạn như biết luật bắt hiều, bắt đạo thì không dám làm điều can phạm luân thường đạo nghĩa; biết luật đánh nhau, cướp đoạt thì không dám buông rông cái khí hung dữ, lẩn át; biết luật gian dâm, trộm cắp thì mới có thể ngăn cản được cái thói tà dâm, gian tham; biết luật việt không¹, vu cáo thì tất có thể bỏ được cái thói khõe kiện; biết lệ thuế khóa đã có số ngạch nhất định thì chớ có tư túi chাম mút để thiếu thuế chính cung; biết luật chứa chấp kẻ phạm tội, tất phải liên lụy, thì chớ có tư thông với nhau, mà che chở phạm nhân trốn tránh. Phạm những việc phép công đã cấm thì nên cẩn thận xa lánh, tự có thể bỏ được các tính càn rỡ, tiến

lên làm dân lương thiện. *Kinh Thư* có nói: “Giữ lấy phép tắc để hưởng phúc trời”. Thế thì dưới có phúc là rậm rạp như gió thổi lướt theo, trên gây được cuộc thịnh trị là bỏ hình phạt, không dùng đến. Như vậy há chẳng tốt đẹp lắm sao?

10. *Rộng làm việc lành*: Nhà tích thiện hẳn có phúc thừa. Thiện là gồm các phúc tập hợp ở đó. Cái gọi là thiện ấy, chẳng qua là hiếu, đễ, trung, tín, nhân, nghĩa, lễ, trí mà thôi, chứ có gì khác đâu. Nay ta dạy bảo dân chúng, chớ cho rằng những điều nói trên đã là đủ hết. Song những điều luân lý thường dùng hằng ngày, chủ chốt cũng chẳng ngoài thế. Lũ sĩ, thứ, quân nhân các người đều nên kính nghe lời ta, cố tiến đến chỗ thiện: ngày nay làm một việc, ngày mai làm một điều, lâu dần thực có ở mình chứa nhiều điều thiện, làm rộng âm đức, thì tự nhiên tai nạn qua khỏi, phúc lộc được nhiều. Nếu chậm báo ứng mà mình chưa được vinh hiển, thì con cháu cũng sẽ được nhờ phúc ầm, thịnh vượng rạng rỡ, mãi mãi vô cùng. *Kinh Thư* có nói: “Nhà làm thiện, được trời giáng cho trăm điều lành”. Các người đều nên thể theo ý ta, chăm làm thiện, không trễ nải, sửa tính cho ngay thẳng để giữ lấy thái hòa, cùng bước lên cõi nhân thọ. Rực rỡ thay, đẹp đẽ làm sao!”.

3. Một số nhận xét, đánh giá

Qua nội dung bản *Huấn dụ thập điều* dạy bảo phong tục của vua Minh Mệnh, chúng tôi đưa ra một số nhận xét sau:

Thứ nhất, Minh Mệnh là vị vua rất quan tâm đến phong tục tập quán của nhân dân, bởi ông luôn ý thức được rằng “thế đạo thịnh hay suy quan hệ ở phong tục, phong tục tốt hay xấu quan hệ ở khí vận”, “nước được bền vững, là quan hệ ở lòng người, phong tục được tốt đẹp, phải cốt ở giáo hóa”, “từ xưa vua hiền, chúa sáng lấy

¹ kiện cáo vượt bậc, không theo thứ tự cấp bậc.

chính đạo trị thiên hạ, tất lấy sự dạy dân, gây phong tục làm việc đầu tiên”. Vì vậy, trong suốt 21 năm trị vì đất nước (1820-1841), một mặt ông cùng triều thần bàn luận và ban hành nhiều đạo dụ, chiếu chỉ để răn dạy, giáo hóa các tầng lớp nhân dân thực hành phong tục tốt đẹp (vào các năm 1820, 1821, 1825, 1827, 1833, 1834, 1835, 1837...), mặt khác, bản thân ông “từ thân mình đến lời mình đều là gương mẫu để dạy dân” (Quốc sử quán triều Nguyễn, Tập 4, 2022: 237). Như thế, vua Minh Mệnh đã sử dụng hình thức *ngôn giao* - dùng lời nói của mình để dạy người, và *thân giao* - lấy việc làm của mình để nêu gương dạy người.

Thứ hai, mặc dù vua đã dụ cho bộ Lễ rằng, “nên bắt chước lời dụ của vua nhà Thanh, đại ý tỏ bày những điều giáo huấn” (Quốc sử quán triều Nguyễn, Tập 4, 2022: 237) để soạn ra *Huấn dụ thập điều*, tuy nhiên theo chúng tôi, chắc hẳn vua Minh Mệnh đã tham khảo cách thức dạy bảo phong tục của vua Lê Thánh Tông (1460-1497), khi vị vua thứ 5 của nhà Lê sơ ban hành *Huấn dân đại cáo* vào năm Quang Thuận thứ 2 (1461)¹. Song xét về đại thể, cơ sở, nền tảng tư tưởng cho những nội dung trong *Huấn dụ thập điều* đều tuân theo những giáo lý, quan điểm của Nho giáo. Những dẫn chứng từ sách Chu Lễ, Kinh Dịch, Trung Kinh, Kinh Thi, Mạnh Tử... trong các điều khoản ở trên đã nói lên điều đó.

Hơn nữa, việc ban hành *Huấn dụ thập điều* vào năm 1834 của vua Minh Mệnh ngoài mục đích sâu xa là củng cố nền tảng

Nho giáo xuống tận các làng xã, để cho toàn dân thấm nhuần giáo lý Khổng Mạnh, còn có mục đích trước mắt và quan trọng hơn, đó là hạn chế và tiến tới ngăn chặn sự lan rộng cũng như ảnh hưởng của Kitô giáo. Bởi rằng, trong số các vị vua đầu triều Nguyễn, Minh Mệnh là người có phản ứng gay gắt nhất đối với Kitô giáo, khi ông đã ban hành tới 7 sắc chỉ cấm đạo (vào các năm 1825, 1826, 1830, 1833, 1834, 1836 và 1838)².

Thứ ba, với mục đích giáo dục, khuyến răn là chính nên văn phong của các huấn điều “cốt ở lời lẽ trang nhã, không cần phù phiếm hoa mỹ để cho những kẻ ngu phu ngu phụ đều hiểu biết cả” (Quốc sử quán triều Nguyễn, Tập 4, 2022: 237). Bộ cục được “xếp đặt theo phương pháp diễn dịch, đi từ nguyên tắc đến chi tiết, làm cho hệ thống tư tưởng nhất trí, chặt chẽ”, và vì lẽ đó “dễ phổ biến, học tập và làm theo” hơn cho quảng đại quần chúng nhân dân.

Nội dung cơ bản của *Huấn dụ thập điều* tập trung vào *Tam cương* (Vua tôi - Cha con - Chồng vợ), *Ngũ thường* (Nhân - Lễ - Nghĩa - Trí - Tín), *Tam tông* (Ở nhà theo cha, lấy chồng theo chồng, nếu chồng chết phải theo con trai), *Tứ đức* (Công - Dung - Ngôn - Hạnh), nhất là chủ thuyết *Lễ pháp kết hợp* (dùng đức giáo hóa là chính, hình phạt là bổ trợ), *chính danh phận* (vua ra vua, tôi ra tôi, cha ra cha, con là con)... Vì vậy, trong số 10 điều trên, điều đầu tiên và quan trọng nhất là *Đôn nhân luân - Đôn*

¹ Năm 1461 mới chỉ ban hành *Huấn dân đại cáo*, đầu niên hiệu Hồng Đức, vua Lê Thánh Tông cho định thành 24 huấn điều cụ thể, và đến năm 1499 vua Lê Hiến Tông làm cho “huấn điều ấy được thêm sáng tỏ” để ban hành cho kinh sư và các đạo thi hành.

² Khi viết về “Chính sách của Minh Mạng đối với Công giáo”, tác giả Nguyễn Quang Hưng có nhận xét: “Tuy vậy, xét cả về những nguyên nhân khách quan và chủ quan, nội tại xã hội Việt Nam và bối cảnh khu vực thế kỷ XIX thì *sự chung sống hòa bình* giữa triều Nguyễn với Công giáo tuy không hoàn toàn ảo tưởng, nhưng khó trở thành hiện thực” (Nguyễn Quang Hưng, 2007: 234).

đốc luân lý. Những điều răn dạy dân chúng phải chuộng tiết kiệm, giữ gìn phong hóa pháp độ và phong tục, chăm nghề nghiệp, tích cực làm việc thiện, xa lánh gian tà dâm dục,... đều rất cần thiết cho một xã hội ổn định.

Phạm vi điều chỉnh của *Huấn dụ thập điều* cũng rất rộng, bao quát mọi thành phần trong xã hội (quan lại, binh lính, tứ dân: sĩ - nông - công - thương), mọi cấp độ (từ trong gia đình, gia tộc đến ngoài làng xã và toàn xã hội), mọi sắc tộc, tôn giáo (người Chăm, người Khmer, các dân tộc ít người; giáo dân Công giáo...) và ban bố khắp các khu vực trong cả nước khi đó (Kinh kỳ, Tả trực, Hữu trực, Tả kỳ, Hữu kỳ, Bắc Kỳ và Nam Kỳ).

Thứ tư, biện pháp thực hiện được thông nhất từ trên xuống dưới. Vua Minh Mệnh trực tiếp giao cho bộ Lễ soạn *Nghi chú* (giải thích rõ thêm các nghi thức) để bên trong thì Phủ doãn (phủ Thừa Thiên), bên ngoài có các (Tổng) đốc, (Tuần) phủ, Bó (chính sứ), Án (sát sứ) đem bản in ấy đưa khắp xuống cho các tổng lý, xã thôn thuộc hạt; đồng thời chuyển sức cho học chính các phủ, huyện và bọn tổng lý thuộc hạt sức khắp cho các sĩ, thứ, quân nhân đem những giáo điều này tuyên đọc và giảng giải rõ ràng. Khi huấn điều ban xuống hạt nào thì quan tỉnh ấy đem quan thuộc và các viên học chính, đều mặc áo mũ đại triều, và sắm sửa long đình, tàn, tán, lọng, nhã nhạc, binh lính, nghi trượng đón tiếp, lĩnh về bản nha, đặt lên hương án ở gian chính giữa, chọn ngày tốt để tuyên giảng. Các địa phương và các nha phủ, huyện, châu thì triệu tập viên chức văn võ, các học quan thì triệu tập những học trò đương theo học đầy đủ khăn áo đến sân công đường làm lễ, rồi chia hàng ngũ ngồi hai bên, do trưởng quan phụng mệnh tuyên điều, giảng giải

từng câu, để cho người nghe hiểu rõ, rồi lại ra sân làm lễ 5 lạy. Dân các xã thôn thì đều đặt một hương án ở gian chính giữa đình làng để đặt bản huấn điều vua ban. Các trưởng mục, thân hào xã thôn ấy phải khăn áo chỉnh tề đến sân đình làm lễ 5 lạy, rồi chỉ bảo nhân dân theo thứ tự ngồi nghe, giảng đọc khắp một lượt, xong rồi lại ra sân đình làm lễ 5 lạy. Từ đó về sau, cứ hằng năm, chọn một ngày tốt của hai tháng mạnh mùa xuân (tháng Giêng), thu (tháng 7), các học quan trong ngoài lấy ngày mùng 1 trong bốn tháng trọng (tháng 2, 5, 8, 11), các xã dân thì lấy ngày mùng 1 trong bốn tháng quý (tháng 3, 6, 9, 12) theo lệ hội giảng, làm hết như nghi thức lần trước. Để những điều huấn thấm nhuần tới muôn dân, năm 1841, vua Thiệu Trị cho đặt chức Hương thân ở tất cả các làng quê, có chức năng trông nom, giảng giải *Huấn dụ thập điều* của nhà vua 4 lần trong 1 năm.

Việc giảng dụ này được duy trì thường xuyên, liên tục, “cốt cho mọi nhà và mọi người đều truyền tụng, khuyên nhau làm cho nên việc, tháng ngày thấm nhuần, cùng đạt đến chỗ tốt” (Quốc sử quán triều Nguyễn, Tập 4, 2022: 238).

Thứ năm, việc ban bố *Huấn dụ thập điều* dạy bảo phong tục của vua Minh Mệnh có tác động và ảnh hưởng lớn đối với xã hội Việt Nam thế kỷ XIX, nhất là đã hạn chế các tệ nạn xã hội.

Một mặt, *Huấn dụ thập điều* không chỉ là “bản tuyên ngôn của chính sách giáo dục nhà Nguyễn”, mà còn “là bản hiến chương văn hóa giáo dục thứ 3 của Việt Nam, sau bản *Nhị thập tứ huấn điều* của vua Lê Thánh Tông ban bố năm 1470, minh định năm 1499; bản *Lê triều giáo huấn điều lệ, Tứ thập thất điều* của vua Lê Huyền Tông, tuyên đọc năm 1663” (Lê Hữu Mục, 1971: 8). Vì căn cứ trên thực tế

của đất nước, lại ban hành vào thời điểm “hợp thời” nên những nội dung của *Huấn dụ thập điều* đã đáp ứng phần nào việc điều hòa, giải quyết nhiều vấn đề văn hóa, xã hội nhằm ổn định trật tự kỷ cương. Bởi vậy, những điều giáo huấn ấy vẫn được vua Thiệu Trị duy trì. Đặc biệt, năm 1870, vua Tự Đức đã diễn ca *Huấn dụ thập điều* của vua Minh Mệnh thành 486 câu lục bát thơ quốc âm (thơ Nôm) với tiêu đề *Huấn định thập điều giải nghĩa ca* nhằm mục đích phổ biến sâu rộng hơn, nhất quán hơn đối với quảng đại quần chúng nhân dân, bởi các vị vua đều “lo sợ thấy nghe của dân không đều, quan cảm của dân không nhất trí” (Quốc sử quán triều Nguyễn, Tập 4, 2022: 237).

Mặt khác, trong quá trình triển khai thực hiện, vì sự cứng nhắc, giáo điều và rập khuôn của các cấp chính quyền nên *Huấn dụ thập điều* dạy bảo phong tục của vua Minh Mệnh đã không nhận được sự ủng hộ của nhân dân, ngược lại bị dân chúng phê phán gay gắt. Bài vè ví von, trào lộng phổ biến trong dân gian của các làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ sau đây đã nói lên điều đó:

Vui xem hát,

Nhặt xem bơi,

Tả tơi xem hội,

Bối rối xem đám ma,

Còn Thập điều, bỏ cửa bỏ nhà mà đi nghe giảng (Lê Hữu Mục, 1971: 68).

4. Kết luận

Vua Minh Mệnh ban hành *Huấn dụ thập điều* năm 1834 với mong muốn các giáo lý tốt đẹp của Nho giáo được lan tỏa về tận các làng xã và thấm sâu vào đời sống thường ngày của người dân. Những nội dung cơ bản của 10 điều giáo hóa trên đã góp phần củng cố phong hóa, hạn chế

các tệ nạn xã hội, đúng như mục đích biên soạn và ban hành *Huấn dụ thập điều* của vua Minh Mệnh: “Nước được bền vững, là quan hệ ở lòng người, phong tục được tốt đẹp, phải cốt ở giáo hóa. Gần đây, những lũ vô lại hoặc dẫn đạo bằng tà giáo, hoặc dụ dỗ uống rượu, đánh bạc. Những kẻ tiều dân ngu xuẩn phần nhiều bị mê hoặc, bởi thế nên trộm cướp nảy sinh, không ngăn hết được. Ta thường nghĩ: Dân chưa giàu, chưa thể nói đến việc giáo dục được. Duy có điều là sau khi loạn lạc, lòng người đã hơi biết hối ngộ, nhân lúc này mà dạy bảo thì dễ, mà không tốn công. Bộ Lễ người nên bắt chước lời dụ của vua nhà Thanh, đại ý tỏ bày những điều giáo huấn, cốt ở lời lẽ trang nhã, không cần phù phiếm hoa mỹ để cho những kẻ ngu phu ngu phụ đều hiểu biết cả, thì có thể biến điều bạc thành trung hậu, làm cho phong tục trở thành thuần mỹ. Đó cũng là chước hay để giữ nước lâu dài” (Quốc sử quán triều Nguyễn, Tập 4, 2022: 236-237) □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Quang Hưng (2007), *Công giáo Việt Nam thời kỳ triều Nguyễn (1802 - 1883)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê (1993), *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập III và IV, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Lê Hữu Mục (1971), *Huấn dịch thập điều: Thánh dụ của vua Thánh Tổ, Diễn nghĩa của vua Dục Tông*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản.
4. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập IV, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn (2022), *Đại Nam thực lục*, Tập 4, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.